

## MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐỐI CHIẾU NGỮ ÂM GIỮA TIẾNG HÀN VÀ TIẾNG VIỆT

CHO MYEONG SOOK\*

### 1. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ học đối chiếu xuất phát từ nhu cầu nghiên cứu để giúp cho việc học và việc giảng dạy ngoại ngữ tốt hơn với sự phát hiện những điểm giống nhau và khác nhau giữa tiếng mẹ đẻ của người học và ngôn ngữ đích (Zielsprache). Ngành khoa học này là một bộ phận của ngôn ngữ học ứng dụng trên cơ sở so sánh đối chiếu ngôn ngữ. Vào đầu thế kỉ XX, nghiên cứu đối chiếu chú ý đến thực tiễn vận dụng. Thuật ngữ “Contrastive Linguistics” đã xuất hiện đầu tiên trong bài của B. Whorf (1941) <Language and Logic>. Vào năm 1957, giáo sư của trường đại học Michigan R. Lado đã xuất bản một công trình <*Linguistics across Cultures – Applied Linguistics for Language Teachers*>, công trình này triển khai đầu tiên việc nghiên cứu ngôn ngữ như một hệ thống. Những kết quả của hướng nghiên cứu đối chiếu này nâng cao hiệu quả cho việc học ngôn ngữ đích và việc giảng dạy cũng như học tiếng, biên soạn các sách giáo khoa dạy tiếng và làm từ điển. Thông qua những kết quả so sánh đối chiếu hai hay nhiều hệ thống ngôn ngữ để dự đoán được những lỗi của người học và giúp người học khắc phục khó khăn.

Khi chúng tôi học một ngoại ngữ, chúng tôi thường mắc lỗi trong việc học tiếng và phát hiện được sự giao thoa ngôn ngữ giữa hai hệ thống ngôn ngữ của tiếng mẹ đẻ và ngôn ngữ đích, nếu mình vận dụng tốt hệ thống ngôn ngữ của tiếng mẹ đẻ thì có thể dễ nắm bắt ngôn ngữ đích, vì vậy nắm chắc hệ thống ngôn ngữ rất quan trọng khi học một hay nhiều ngôn ngữ đích.

Theo phân loại của ngôn ngữ học loại hình, tiếng Hàn là ngôn ngữ chắp dính (agglutinative language) và trật tự câu SOV, tiếng Việt là ngôn ngữ đơn lập

---

\* Tiến sĩ, ĐHQG Seoul.

(isolating language) trật tự câu SVO. Hai nước Hàn Quốc và Việt Nam đều gọi tiếng mẹ đẻ của mình là “Quốc ngữ”. Chữ viết tiếng Hàn và tiếng Việt đều là chữ viết ghi âm. Trong bài này đã tham khảo chủ yếu luận án của bản thân, luận án đó đã viết nhằm giúp cho các học viên Hàn Quốc cũng như Việt Nam hạn chế bớt những khó khăn và phát huy những đặc điểm giống nhau của hai ngôn ngữ khi học tiếng của nhau. Chúng tôi sẽ giới thiệu những kết quả của việc nghiên cứu phân tích so sánh đối chiếu về mặt ngữ âm căn cứ vào kinh nghiệm bản thân nhằm giúp đỡ cho việc dạy và học hai thứ tiếng của nhau.

## 2. Đối chiếu về mặt ngữ âm tiếng Hàn và tiếng Việt

### 2.1. Âm tiết (syllables)

Tiếng Việt là mỗi âm tiết có ranh giới rõ ràng và ranh giới của nó với ranh giới của hình vị có thể nói là trùng nhau. Mỗi âm tiết tiếng Việt có khả năng biểu hiện ý nghĩa và có tính độc lập.

(1) Tiếng Việt Nam : Chữ /~ quốc/~ ngữ /~ dùng/ ~các/ ~chữ/~ Latinh.

(2) Tiếng Hàn Quốc : 나/(는)~ 베/트/남/어/(를)~ 공부/한다.

{Tôi /học /tiếng /Việt/ (Nam).}

Về cấu tạo âm tiết tiếng Việt, nhiều tác giả trong nước và nước ngoài đã đưa ra nhiều mô hình âm tiết tiếng Việt, trong đó xin giới thiệu lại một số mô hình sau đây :

#### a. Đoàn Thiện Thuật (1980)

THANH ĐIỆU			
ÂM ĐẦU	VẦN		
	ÂM ĐỆM	ÂM CHÍNH	ÂM CUỐI

Ví dụ : **Nguyệt** → **ng-** : âm đầu, **u** : âm đệm, **yê** : âm chính, **-t** : âm cuối, **thanh nặng** : thanh điệu.

Cấu tạo âm tiết tiếng Việt chia 2 phần lớn như âm đầu và vần. Phần đầu của âm tiết được xác định là âm đầu, âm vận học còn gọi là thanh mẫu hay thủy âm, phần còn lại của âm tiết được gọi là phần vần hay vận mẫu. Đứng mở đầu âm tiết bao giờ cũng là một phụ âm, tiếp theo là âm đệm và âm chính, hai âm này đều là nguyên âm, một phụ âm hay bán nguyên âm đảm nhiệm chức năng ở cuối âm tiết. Một đặc điểm khác của âm tiết tiếng Việt là mỗi âm tiết mang một thanh điệu.

**b. Mô hình của Lê Văn Lý**

C (PHỤ ÂM)	V (NGUYÊN ÂM)	C (PHỤ ÂM)
---------------	------------------	---------------

Ví dụ 4 loại hình âm tiết theo mô hình này là :

- (1) V : e, áo, ưa, ưu, oai, yêu, ...                      (3) VC : ăn, em, oanh, ương, thuốc, ...
- (2) CV : bà, mẹ, cua, hoa, khuya, ...                (4) CVC : mạnh, tuyến, trường, không, ...

Mô hình âm tiết tiếng Việt của Lê Văn Lý giống như cấu tạo âm tiết tiếng Hàn có bốn loại hình âm tiết. Cấu tạo âm tiết tiếng Hàn có thể nói cơ bản là : (C)V(C).

- 1) V : mô hình không có âm đầu và không có âm cuối : 아(亞) /a/á, 오(五) /o/ngũ
- 2) CV : mô hình không có âm cuối : 부(父) /bu/bộ, 수(水) /su/thủy
- 3) VC : tiếng Hàn phụ âm đầu <O> là âm vị zero : 일(日) /il/ nhật, 악(惡) /ak/ác
- 4) CVC : mô hình có âm đầu và âm cuối : 독(毒) /dok/độc, 산(山) /san/son

Dựa vào cấu trúc âm tiết tiếng Hàn và tiếng Việt chúng ta thấy phụ âm thường đảm nhiệm hai chức năng, chức năng mở đầu và chức năng kết thúc.

Khi người Hàn học đầu tiên tiếng Việt giới thiệu trước mô hình số 2 của Lê Văn Lý để hiểu cấu tạo âm tiết vì tiếng mẹ đẻ. Sau đó đưa ra mô hình số 2 của Đoàn Thiện Thuật thì hiệu quả hơn. Về thanh điệu và âm đệm chúng tôi sẽ nói phần 2.2, phần 2.5 trong bài này. Theo kinh nghiệm giảng dạy tiếng Hàn và tiếng Việt của chúng tôi, có thể đưa ra một mô hình mới sau đây của âm tiết tiếng Việt dành cho người Hàn học tiếng Việt để dễ hiểu cấu tạo âm tiết tiếng Việt và dễ học qui tắc nhất định từ Hán – Hàn và từ Hán – Việt [2], [4].

**c. Mô hình của Cho Myeong Sook**

THANH ĐIỀU		
<b>C</b> (PHỤ ÂM)	<b>V</b> (NGUYÊN ÂM)	<b>C</b> (PHỤ ÂM)

**2.2. Âm đệm (gilde)**

Âm đệm đứng ở vị trí giữa âm đầu và âm chính trong một âm tiết tiếng Việt. Âm đệm <-u-, -o-> trong âm tiết tiếng Việt có vị trí khá đặc biệt và được phiên âm là /-u-/ hay /-w-/. Âm đệm có thể xuất hiện chủ yếu sau hầu hết các phụ âm đầu nhưng không thể xuất hiện sau phụ âm đầu như <b-, m-, ph-, v-> và chỉ có một số ngoại lệ.

Trước nguyên âm <e, a, ă> âm đệm được ghi bằng con chữ viết <-o-> sau phụ âm đầu <k-> thì âm đệm ghi bằng con chữ viết <-u-> ; sau các phụ âm đầu <kh-, ng-, h-> thì âm đệm có thể ghi được bằng con chữ viết <-u-> và <-o->. Ví dụ : khoan, ngoan, hoan ... Dĩ nhiên, cũng có âm đệm <-u-> đi với nó, như : khuyết, nguyệt, huyện ... Hiện nay, các từ <hoa, oa, qua> trong phương ngữ miền Nam được phát âm là /wa/. Âm đệm này cũng có trong âm tiết từ Hán – Việt.

Những nguyên âm đôi tiếng Hàn chia 3 loại <w-nguyên âm đôi >, <y-nguyên âm đôi > và nguyên âm<-l>, âm đệm tiếng Việt có liên quan với <w-nguyên âm đôi> của tiếng Hàn. Trong lịch sử tiếng Hàn, tiếng Hàn trung đại có chữ cái [ㅜ] nhưng sau thời kỳ bán nguyên âm [ㅜ/w/] hoặc [ㅜ/w/] thay chữ cái này rồi chữ cái đã mất đi. Theo kinh nghiệm của chúng tôi, âm đệm [-u-] tiếng Việt có thể liên quan với <ㅜ/o/> hoặc <ㅜ/u/> của <w-nguyên âm> tiếng Hàn.

Ví dụ : 1) Hoa (花) (h+o+a) 화 /hwa/ 2) Nguyên (原) (ng+u+o+n) 원/won/

Việc nghiên cứu so sánh đối chiếu hai hệ thống ngôn ngữ tiếng Hàn và tiếng Việt rất cần thiết không chỉ phương pháp đồng đại mà phương pháp nghiên cứu lịch đại. Nghiên cứu đối chiếu về mặt ngữ âm thông qua phương pháp lịch đại rất có ích cho việc nghiên cứu quốc ngữ của hai nước và có thể giải quyết được một số giải thuyết quốc ngữ.

### 2.3. Nguyên âm (vowels)

Có nhiều giải thuyết âm vị học khác nhau về số lượng nguyên âm trong tiếng Việt và tiếng Hàn, chúng tôi chọn giải thuyết hệ thống nguyên âm tiếng Việt là 14 nguyên âm (trong đó 11 nguyên âm đơn và 3 nguyên âm đôi). Nhưng trong tiếng Hàn có 10 nguyên âm đơn và 11 nguyên âm đôi.

#### BẢNG TỔNG HỢP

\* con số 1, 2, 3 là độ mở của miệng cao (1), trung bình (2), thấp (3)

BẢNG NGUYÊN ÂM ĐƠN TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG HÀN								
	Trước (vị trí của lưỡi)				Sau (vị trí của lưỡi)			
	Không tròn môi		Tròn môi		Không tròn môi		Tròn môi	
	T. Việt	T. Hàn	T. Việt	T. Hàn	T. Việt	T. Hàn	T. Việt	T. Hàn
1	/i/	/i/ [ㅣ]		/y/[ㅟ]	/ɯ/	/ɯ/ [ㅡ]	/u/	/u/ [ㅜ]
2	/e/	/e/ [ㅔ]		/ɐ/[ㅓ]	/ə, ̃ə/	/ə/ [ㅓ]	/o/	/o/ [ㅛ]
3	/ɛ/	/ɛ/ [ㅚ]			/a, ă/	/a/ [ㅏ]	/ɔ/	

BẢNG NGUYÊN ÂM ĐÔI TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG HÀN								
	Trước (vị trí của lưỡi)				Sau (vị trí của lưỡi)			
	Không tròn môi		<del>Tròn môi</del>		Không tròn môi		Tròn môi	
	T. Việt	T. Hàn			T. Việt	T. Hàn	T. Việt	T. Hàn
1						/ɯi/ [ㅡㅣ]		/yu/ [ㅠ]
2		/ye/[ㅟㅣ], /we/[ㅟㅣ, ㅟㅟ]				/yə/[ㅟㅣ], /wə/[ㅟㅣ, ㅟㅟ]		/yo/ [ㅠ]
3		/yɛ/[ㅟㅣ]				/ya/[ㅟㅏ], /wa/[ㅟㅏ]		
1	/ie/				/ɯə/		/uo/	

Nhìn về hệ thống nguyên âm của hai ngôn ngữ, hai hệ thống nguyên âm đơn gần giống nhau nhưng trong tiếng Hàn nguyên âm đơn </ɔ/[o]> không có, vì vậy khi người Hàn học tiếng Việt, họ dễ gặp lỗi phát âm những âm tiết có nguyên âm [o] như <có, kho, đó, hỏi, ...>.

Nói về hai nguyên âm đơn /y/[ɿ], /p/[ㅍ] tiếng Hàn, trong tiếng Việt không có âm này, do đó người Việt có thể gặp lỗi phát âm. Trong tiếng Hàn trung đại, hai nguyên âm này đã thuộc hệ thống nguyên âm đôi (/wi/[ɿ], /we/[ㅍ]) nhưng trong tiếng Hàn hiện đại hai nguyên âm vào hệ thống nguyên âm đơn rồi. Hai nguyên âm này gần giống như phát âm của từ tiếng Pháp <tu, deux> và từ tiếng Đức <müde, öl>.

Trong tiếng Việt có đôi lập âm dài và ngắn. Trong tiếng Hàn thời trung đại đã có 4 thanh điệu : bình, thượng, khứ, nhập. Sau cuối thế kỷ XVI, dấu hiệu thanh điệu đã mất đi rồi 4 thanh điệu đó trở thành âm dài ngắn trong tiếng Hàn hiện nay. Khi nhìn vào chúng ta không thể phân biệt được vì chữ cái âm tiết giống nhau.

Ví dụ âm dài và âm ngắn tiếng Hàn :

눈/nu:n/ (tuyết), 눈/nun/ (mắt), 밤/ba :m/ (hạt dẻ), 밤/bam/ (đêm)

말/ma:l/ (lời nói), 말/mal/ (con ngựa), 벌/bə:l/ (con ong), 벌/bəl/ (phạt)

Nhìn về bảng ở trên của nguyên âm thì số lượng nguyên âm đôi tiếng Hàn nhiều hơn tiếng Việt chỉ có 3 nguyên âm. Nguyên âm đôi tiếng Hàn có thể chia 3 loại như <w- nguyên âm>, <y- nguyên âm> và một nguyên âm [-] theo cách tổ hợp. Cách tổ hợp của nguyên âm tiếng Hàn chủ yếu là cách <nguyên âm đơn + bán nguyên âm> nhưng chỉ nguyên âm [-] là đặc biệt vì trật tự ngược như <bán nguyên âm + nguyên âm đơn>. Trong tiếng Việt 3 nguyên âm đôi có phương thức tổ hợp của hai nguyên âm đơn, cả hai nguyên âm đơn đều được phát âm riêng của mình trong âm tiết. Vì vậy, nếu người Việt phát hiện lỗi phát âm của nguyên âm đôi tiếng Hàn thì đó là do giao thoa với tiếng mẹ đẻ. Nhìn theo khái niệm cấu tạo âm tiết của tiếng Hàn thì từ tiếng Việt như <ngoại, cuối> có thể chia hai phần như phụ âm đầu [ng, c], nguyên âm ba [oai, uoi], âm tiết âm cuối <zero> giống như mô hình CV của âm tiết tiếng Hàn vì tiếng Hàn không có khái niệm âm đệm và không có bán nguyên âm cuối. Do đó, người Hàn và người Việt đều cần luyện tập phát âm của những nguyên âm đôi tiếng Hàn và tiếng Việt.

## 2.4. Phụ âm (consonants)

### 2.4.1. Phụ âm đầu

Trong tiếng Hàn có 19 phụ âm (gồm 14 phụ âm đơn và 5 phụ âm đôi). Nói về số lượng phụ âm đầu tiếng Việt, trong *Vấn đề âm tiết của tiếng Việt*, Vũ Bá Hùng đưa ra 21 phụ âm đầu. Nhưng theo Đinh Lê Thu [10:69] và Lê Quang Thiêm [8:100] thì tiếng Việt có 22 phụ âm đầu mà trong đó không tính đến phụ âm /p-/ là phụ âm chỉ xuất hiện trong từ vay mượn hoặc từ phiên âm tiếng nước ngoài. Chúng tôi đồng ý số lượng 22 phụ âm nhưng muốn loại trừ phụ âm đầu /zero/ để dễ so sánh các phụ âm, vì phụ âm đầu này không có chữ cái tương ứng trong tiếng Việt.

**BẢNG PHỤ ÂM ĐẦU TIẾNG VIỆT**

Định vị Phương thức		Môi	Lưỡi trước		Lưỡi giữa	Lưỡi sau	Thanh hậu
			Đầu lưỡi	Cong lưỡi			
Ồn	bật hơi tắc-vô thanh-không bật hơi hữu thanh	(p-) p- /b-/ b-	/t <sup>h</sup> -/ th- /t-/ t- /d-/ đ-	/t̚-/tr	/c-/ ch-	/k-/c-,k-, q(u)-	/ʔ-/
	xát – vô thanh hữu thanh	/f-/ ph- /v-/ v-	/s-/ x- /z-/ d-,gi-	/ʃ-/s /z̥-/r		/X-/ kh- /V/ g-, gh-	/h-/ h-
Vang	tắc (mũi)	/m-/	/n-/ n-		/ŋ-		
	xát (không mũi)	m-	/l-/ l-		/nh- /-ŋ/ -ng		

Các vị trí cấu âm của phụ âm tiếng Việt phân biệt chủ yếu theo vị trí lưỡi. Và có âm vô thanh và âm hữu thanh. Tiếng Việt có thể được viết bằng một chữ cái, hay ghép hai, ba chữ cái. Ở Hà Nội <r> phát thành [z] cùng với <d-, gi-> nhưng miền Trung và miền Nam có một âm riêng.

Phụ âm tiếng Hàn đảm nhiệm âm đầu và âm cuối trong âm tiết tiếng Hàn.

**BẢNG PHỤ ÂM TIẾNG HÀN**

Định vị Phương thức	Môi môi (bilabial)	Răng và lợi (alveolar)	Ngạc (palatal)	Mặt (velar)	Thanh hầu (glottal)
Tắc	ㅂ/p,b-, -p/ ㅃ/pp-/ ㅍ/p <sup>h</sup> -, -p/	ㄷ/t,d-, -t/ ㄸ/tt-/ ㅌ/t <sup>h</sup> -, -t/		ㄱ/k,g-/ -k/ ㅋ/kk-, -kk/ ㆁ/k <sup>h</sup> -/	
Tắc - xát			ㅈ/j-, -t/ ㅊ/ch-, -t/ ㅉ/jj-/		
Xát		ㅅ/s-, -t/ ㅆ/ss-, -t/			ㅎ/h-, -t/
Mũi	ㅁ/m -, -m/	ㄴ/n-, -n/		ㅇ/- ɲ /	
Bên		ㄹ/l-.r-, -l/			

Nói về đặc trưng phụ âm tiếng Hàn, phụ âm tiếng Hàn không đối lập vô thanh và hữu thanh, có quan hệ biến thể âm vị (異音, allophone), con chữ phụ âm <ㄹ> của ví dụ <다라/dari/, 달/dal/> có quan hệ biến thể âm vị, người Hàn khó phân biệt hai âm /r/ và /l/. Do đó, đại biểu của hai âm vị thường ghi bằng âm vị /l/. Tiếng Hàn không phân biệt vô thanh và hữu thanh nhưng có quan hệ biến thể âm vị (allophone) của con chữ phụ âm <ㄱ, ㅋ, ㆁ, ㅈ, ㅉ>. Trong tiếng Hàn phụ âm <ㅇ/ɲ/> đứng ở đầu và cuối của âm tiết, nhưng lúc đứng cuối có âm thanh /-ng/, mà lúc đứng đầu <ㅇ-> không có âm thanh, coi là <phụ âm đầu zero>. Phụ âm [ㅍ] là âm môi – môi, trong tiếng Hàn không có âm răng, âm môi răng.



**BẢNG ĐỐI CHIẾU PHỤ ÂM ĐẦU TIẾNG HÀN VÀ TIẾNG VIỆT**

Định vị Phương thức	Bilabial (môi-môi)		Labiodental (môi-răng)		Alveolar (lợi)		Retroflex (quặt-lưỡi)		Palatal (ngạc)		Velar (mặt)		Glottal (họng)	
	H	V	H	V	H	V	H	V	H	V	H	V	Hàn	Việt
Tắc	ㅍ ㅑ ㅓ	(p) b			ㅌ ㄷ ㄸ	th t d		ㅈ	c	ㅋ ㆁ ㆏	k			?
Xát			f v		ㅍ ㅑ ㅓ	s z	ㅆ ㅊ				X Y		ㅎ	h
Tắc-xát									ㅈ ㅊ ㅆ					
Mũi	ㅁ	m			ㄴ	n			ㄹ	ㅇ	ŋ			
Bên					ㄹ	l								

Chúng tôi làm một bảng đối chiếu phụ âm đầu tiếng Hàn và tiếng Việt. Nếu người học hiểu biết về phương thức cấu âm và định vị của ngôn ngữ đích thì dễ phát âm được. Nhìn bảng đối chiếu phụ âm của hai thứ tiếng, chúng ta thấy trong tiếng Việt có phụ âm xát nhiều so với tiếng Hàn, trong hệ thống phụ âm đầu tiếng Việt không có âm tắc – xát giống như tiếng Hàn và phân biệt rõ âm vô thanh và âm hữu thanh.

Theo kinh nghiệm chúng tôi giảng dạy, người Việt cần chú ý phát âm của 3 phụ âm tắc-xát, trong đó, phụ âm tắc-xát [ㅆ] giống như định vị [ch] tiếng Việt nhưng chỉ khác phương thức phát âm. Và cần chú ý phát âm của phụ âm [ㅍ, ㅑ, ㅓ] và phụ âm đầu [ㅇ] tiếng Hàn là âm vị <zero>. Trường hợp phát âm [ㅍ] là âm môi – môi, không phải là âm môi răng. Trái lại, người Hàn học tiếng Việt cần chú ý phát âm của định vị và phương thức cấu âm khác với tiếng mẹ đẻ như phụ âm [tr-, nh-, ng-, r, s-, x-...].

### 2.4.2. Phụ âm cuối

Trong hệ thống âm cuối trong tiếng Việt có 6 phụ âm [-p, -t, -k, -m, -n, -ng] và 2 bán nguyên âm [ u, o /-u / ] và [ i, y /-i/ ]. Các con chữ viết của phụ âm [-m, -p, -n, -t, -ng, -c, -nh, -ch] xuất hiện ở cuối âm tiết, trong đó, [-nh] và [-ng] là biến thể của âm vị /- ɲ /, [-c] và [-ch] là biến thể của âm vị /-k/.

#### BẢNG PHỤ ÂM CUỐI TIẾNG VIỆT

Phương thức \ Định vị		Môi	Lưỡi	
			Đầu lưỡi	Mặt lưỡi
Phụ âm cuối	Không mũi	-p /-p/	- t /-t/	-c,- ch /-k/
	Mũi	-m /-m/	- n /-n/	-nh,- ng /- ɲ /
Bán nguyên âm cuối		-u, -o /-u/	-i, -y /-i/	

Trong tiếng Việt, 2 bán nguyên âm đảm nhiệm chức năng âm cuối nhưng trong tiếng Hàn chỉ phụ âm đảm nhiệm âm cuối (xin xem trang 66). Ngoài 2 bán nguyên âm cuối tiếng Việt, còn có 6 phụ âm cuối. 6 phụ âm cuối tiếng Việt hoàn toàn tương ứng với 6 phụ âm cuối của từ Hán – Hàn. Trong tiếng Hàn có 7 âm cuối : [- ㄱ/-k/, -ㄴ/-n/, -ㄷ/-t/, -ㄹ/-l/, -ㅁ/-m/, -ㅂ/-p/, -ㅇ/- ɲ /].

#### BẢNG ĐỐI CHIẾU PHỤ ÂM CUỐI TIẾNG HÀN VÀ TIẾNG VIỆT

Chữ viết phụ âm cuối tiếng Hàn	Âm vị	Chữ viết phụ âm cuối tiếng Việt
1) - ㄱ, - ㄲ	ㄱ/-k/	1) -c, -ch
2) -ㄴ	ㄴ/-n/	2) -n
3) -ㄷ, -ㅌ, -ㅊ, -ㅌ, -ㅍ, -ㅍ	ㄷ/-t/	3) -t
4) -ㄹ	ㄹ/-l/	* không có trong tiếng Việt
5) -ㅁ	ㅁ/-m/	4) -m
6) -ㅂ, -ㅃ	ㅂ/-p/	5) -p
7) -ㅇ	ㅇ/-ɲ /	6) -ng, -nh
* số 3) không xuất hiện trong từ H-H	/-u/	7) -u/-o (bán nguyên âm cuối)
* bán nguyên âm cuối không có	/-i/	8) -i/-y (bán nguyên âm cuối)

Trong từ Hán – Hàn có 6 phụ âm xuất hiện giống như phụ âm cuối tiếng Việt. Trong tiếng Hàn, có nhiều con chữ phụ âm kép theo cách tổ hợp nhưng trong hai

con chữ đó chỉ một con chữ đảm nhiệm âm vị đại biểu của phụ âm cuối kép, ví dụ như [L̥/-n/, L̥/-n/, ɽ/-k/, ɸ/-p/, ɸ/-p/, ...]. Nhưng chúng tôi sẽ giới thiệu qui tắc biến âm của phụ âm kép này sau. Trong tiếng Việt không có phụ âm cuối /-t/. Do đó, khi người Việt học tiếng Hàn, họ dễ gặp lỗi phát âm âm tiết có phụ âm cuối [ɽ/-l/]. Nhưng trường hợp phụ âm cuối <-t> của từ Hán – Việt tương ứng hoàn toàn với phụ âm cuối <-ɽ/-l/> của từ Hán – Hàn. Theo lịch sử tiếng Hàn, khoảng thế kỉ X, tiếng Hàn sử dụng lẫn lộn âm cuối <-ㄷ/-t/> và âm cuối <-ㄹ /-l/>, nhưng âm cuối <-ㄷ/-t/> dần dần mất đi và bị âm cuối <-ㄹ /-l/> thay thế. Hệ thống phụ âm cuối từ Hán - Hàn gần với phụ âm cuối tiếng Hán trung cổ. Khi người Hàn học tiếng Việt, cần chú ý là sau các nguyên âm tròn môi [u, ô, o], hai phụ âm cuối [-ng, -c] có cách thể hiện đặt biệt. Hai trường hợp này được phát âm thành phụ âm môi – mặc.

## 2.5. Thanh điệu (tone)

Một đặc trưng của âm tiết tiếng Việt là mỗi âm tiết nhất thiết phải có một thanh điệu. Thanh điệu là một yếu tố thể hiện độ cao và sự chuyển biến của độ cao trong mỗi âm tiết tiếng Việt. Thanh điệu phân biệt vô âm thanh, phân biệt nghĩa của từ. Trong bộ sách của Lục Pháp Ngôn, thanh điệu toàn bộ tiếng Hán được chia thành bốn loại : bình 平, thượng 上, khứ 去, nhập 入. Nếu khảo sát cứ liệu tiếng Hàn khoảng thế kỉ XV, XVI thì chúng ta thấy tiếng Hàn có sự biểu thị của thanh điệu. Trong Hun Min Jǒng ǔm (quyển sách giải thích nguyên lí sáng chế chữ Hàn) có bốn thanh điệu nhưng cuối thế kỉ XVI thanh điệu đã mất đi. Các vết tích của thanh điệu thấy được ở sự khu biệt âm dài ngắn trong phương ngữ Trung bộ hoặc âm cao thấp trong phương ngữ Đông Nam của Hàn Quốc. Vì lí do đó, một âm tiết có phát âm giống nhau nhưng có gốc Hán khác nhau và mang nghĩa khác nhau (hiện tượng đồng âm dị nghĩa). Ví dụ : âm dài và âm ngắn

방(房)/bang / 방(榜)/ba:ng/, 병(瓶)/byǽ:ng/ 병(病)/byǽ:ng/

성(城)/sǒng / 성(姓)/sǒ:ng /, 귀(歸)/gwi/ 귀(貴)/gwi:/...

Trong tiếng Hàn không có thanh điệu, do đó khi người Hàn học tiếng Việt, họ mắc lỗi nhiều vì sự giao thoa ngôn ngữ. Theo kinh nghiệm học và dạy tiếng

Việt của chúng tôi, 3 thanh điệu như thanh điệu huyền (2), thanh điệu hỏi (4), thanh điệu sắc (5) thì không khó đối với người Hàn nhưng người Hàn phải chú ý phát âm đến thanh điệu ngã (3), thanh điệu nặng (6), thanh không dấu (1). Để người học khắc phục lỗi phát âm và nếu người Hàn muốn phát âm gần giống như người Việt thì người Hàn phải chú ý thanh không dấu (1). Đối với người Hàn thanh không dấu (1) quan trọng nhất. Nếu người Hàn có thể phát âm được thanh không dấu thì chắc chắn được khắc phục hai thanh điệu (3), (6). Thanh không dấu là trung tâm. Hơn nữa ngữ điệu và giọng nói của đa số người Hàn quen thanh điệu huyền bởi vì trong tiếng Hàn có năm loại câu căn cứ theo mục đích thông báo như câu kể, câu hỏi, câu mệnh lệnh, câu đề nghị, câu cảm. Trong loại câu đó, câu kể, câu mệnh lệnh, câu đề nghị đều kết thúc ngữ điệu thấp như thanh điệu huyền của tiếng Việt và cao độ kết thúc của câu hỏi, câu cảm tiếng Hàn gần như cao độ thanh điệu hỏi và sắc.

### 3. Kết luận

Đối chiếu về cấu trúc âm tiết giữa hai ngôn ngữ, chúng tôi đã đối chiếu từng vị trí trong cấu trúc âm tiết, xem xét hệ thống nguyên âm, phụ âm đầu, phụ âm cuối tiếng Hàn và tiếng Việt, cùng đối chiếu âm đệm, thanh điệu. Chúng tôi bước đầu rút ra được một số kết quả đối chiếu về phương diện ngữ âm tiếng Hàn và tiếng Việt sẽ có ích đối với các học viên Hàn Quốc và học viên Việt Nam. Một số kết quả đối chiếu có một ý nghĩa thực tiễn đáng kể trong lĩnh vực giảng dạy và học tập hai thứ tiếng, có thể vận dụng được về phát âm và luyện âm tiếng Hàn và tiếng Việt, giáo viên chú ý đến kết quả nghiên cứu phân tích lỗi của người học thông qua kinh nghiệm giảng dạy thì giáo viên dự đoán trước những lỗi của người học và có thể đưa ra cách khắc phục những lỗi cho người học, cho phép giải quyết hàng loạt những vấn đề thuộc lĩnh vực giảng dạy hai thứ tiếng.

### Tài liệu tham khảo

- [1]. Bae Ju Chae (2004), *한국어의 발음* (Phát âm tiếng Hàn), NXB Samkyung, Seoul.
- [2]. Nguyễn Tài Cẩn (1997), *Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt*, NXB Giáo dục.

- [3]. Cho Myeong Sook (2003), *So sánh đối chiếu giữa từ Hán – Hàn trong tiếng Hàn và từ Hán – Việt trong tiếng Việt*, Luận án tiến sĩ, ĐHQG Tp.HCM.
- [4]. Cho Myeong Sook (2005), *Đối chiếu ngữ pháp tiếng Hàn và tiếng Việt*, NXB Viện Nghiên cứu quốc ngữ, ĐHQG Seoul.
- [5]. Cao Xuân Hạo, Hoàng Dũng (2005), *Từ điển thuật ngữ ngôn ngữ học đối chiếu Anh-Việt Việt-Anh*, NXB KHXH.
- [6]. Nguyễn Quang Hồng (2002), *Âm tiết và loại hình ngôn ngữ*, NXB ĐHQG Hà Nội.
- [7]. Nguyễn Văn Huệ (2004), *Giáo trình tiếng Việt dành cho người nước ngoài*, NXB Giáo dục.
- [8]. Lê Quang Thiêm (2004), *Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ*, NXB ĐHQG Hà Nội.
- [9]. Đoàn Thiện Thuật (2002), *Ngữ âm tiếng Việt*, NXB ĐHQG Hà Nội.
- [10]. Đinh Lê Thư (1998), *Cơ cấu ngữ âm tiếng Việt*, NXB Giáo dục.

### **Abstract**

This is a thesis which the Contrastive Analytical result of Korean and Vietnamese Language. Even though two language language are not the cognate language which has the same parent language and also its language family is different each other, owing to the continuous enlargement of study scope and research contents fields in contrastive linguistics, contrastive linguistic research on Korean-Vietnamese language has been possible. Its very necessary and important to study on the contrastive phonological systems in each language. Recognizing the similarities between two language help Vietnamese learners of Korean language, Korean learners of Vietnamese language to be induced and indulged for their continuous learning Korean and Vietnamese.